

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCLLCT
KHÓA 01; 04; 05; 06 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT
Phòng thi: 01 (Giảng đường B1)

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	001	Nay Ali	01/05/1982	Gia Lai	7,50	7,50	7,75	Đậu	K05
2	002	Nguyễn Vũ Bắc	18/05/1967	Nam Định	7,00	8,00	7,50	Đậu	K06
3	003	Vũ Văn Bắc	15/09/1979	Thanh Hoá	8,00	7,50	8,00	Đậu	K01
4	004	Rơ Mah Ban	26/08/1990	Gia Lai	7,75	7,50	8,50	Đậu	K04
5	005	Nguyễn Công Bằng	08/10/1981	Hà Nam	8,25	8,00	8,50	Đậu	K05
6	006	Hà Thị Ngọc Bích	10/09/1987	Thái Bình	8,25	7,75	8,50	Đậu	K01
7	007	Trịnh Hữu Bích	03/12/1981	Thanh Hóa	8,25	7,50	8,50	Đậu	K06
8	008	Ksor Bluynh	10/12/1985	Gia Lai	6,75	8,00	7,00	Đậu	K05
9	009	Nguyễn Văn Bôn	16/06/1983	Cao Bằng	7,00	8,00	8,25	Đậu	K06
10	010	Dương Thị Non Bồng	10/11/1981	Bình Định	6,75	8,00	8,25	Đậu	K06
11	011	Trần Văn Cảnh	15/04/1977	Thanh Hóa	6,75	5,00	8,50	Đậu	K04
12	012	Đặng Thị Châu	25/08/1977	Hà Tĩnh	7,75	8,00	8,00	Đậu	K01
13	013	Ngô Thị Kim Chi	01/01/1989	Hà Tĩnh	7,75	9,00	8,00	Đậu	K04
14	014	Nguyễn Thị Chiến	08/04/1973	Gia Lai	7,00	7,75	7,00	Đậu	K01
15	015	Hà Văn Chính	27/07/1986	Nghệ An	7,50	8,00	8,50	Đậu	K05
16	016	Nguyễn Đình Chính	15/09/1979	Bình Định	8,00	8,00	8,50	Đậu	K01
17	017	Phạm Hồng Công	02/05/1981	Thái Bình	7,00	8,00	8,50	Đậu	K06
18	018	Lê Thị Cúc	21/05/1983	Bình Định	7,50	7,75	8,50	Đậu	K04

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
19	019	Phạm Văn Cường	15/03/1983	Hà Nam	7,50	6,00	6,50	Đậu	K05
20	020	Trương Văn Cường	20/03/1983	Bình Định	8,25	8,50	8,00	Đậu	K06
21	021	Lê Thị Kim Dung	08/07/1989	Bình Định	8,50	8,50	8,50	Đậu	K01
22	022	Trần Thị Dung	09/07/1989	Thái Bình	8,25	8,50	8,50	Đậu	K01
23	023	Huỳnh Quốc Dũng	12/02/1986	Khánh Hòa	7,50	8,00	8,00	Đậu	K05
24	024	Nguyễn Đức Dũng	02/09/1982	Hòa Bình	7,25	8,00	7,75	Đậu	K04
25	025	Nguyễn Thị Thanh Dung	24/03/1988	Quảng Ngãi	8,50	7,50	8,75	Đậu	K04
26	026	Mai Bá Dương	08/08/1980	Quảng Nam	7,25	8,50	8,00	Đậu	K06
27	027	Phan Thị Ánh Dương	03/05/1989	Nam Định	8,50	7,50	9,00	Đậu	K05
28	028	Phan Dương	20/09/1983	Thừa Thiên Huế	7,25	8,00	8,50	Đậu	K06
29	029	Kpă Đại	08/05/1982	Gia Lai	7,00	7,50	7,00	Đậu	K04
30	030	Bé Thị Đào	09/09/1983	Lạng Sơn	6,25	8,00	8,50	Đậu	K05

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Người nhập điểm

Trưởng Ban phách





Thân Thị Minh Tuyết

Lê Thị Thùy Dương

Lê Thị Thùy Dương

Thanh tra



Chủ tịch Hội đồng thi



Rơ Ô Trúc

Ngô Khắc Ngọc

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCLLCT
KHÓA 01; 04; 05; 06 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT

Phòng thi: 02 (Giảng đường B2)

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	031	Nguyễn Văn Đô	04/10/1985	Thái Bình	7,25	6,00	7,75	Đậu	K04
2	032	Lê Viết Độ	28/06/1976	Thừa Thiên Huế	7,50	7,00	8,25	Đậu	K06
3	033	Phan Thành Đồng	02/09/1983	Hà Tĩnh	7,00	6,50	8,50	Đậu	K06
4	034	Đinh Công Đức	19/11/1978	Bình Định	7,50	7,50	8,50	Đậu	K01
5	035	Nguyễn Viết Đức	26/09/1979	Nghệ An	7,00	7,00	8,50	Đậu	K06
6	036	Trần Thị Đức	12/02/1987	Bình Định	8,00	8,00	8,50	Đậu	K06
7	037	Vũ Thị Minh Đức	14/03/1986	Hung Yên	8,00	7,00	8,50	Đậu	K06
8	038	Rơ Châm Eh	27/09/1984	Gia Lai	6,50	7,00	7,75	Đậu	K04
9	039	Nguyễn Thị Bảo Giang	20/06/1982	Gia Lai	8,00	8,00	8,50	Đậu	K01
10	040	Trần Thị Phương Giang	01/01/1991	Quảng Ngãi	6,00	7,50	8,25	Đậu	K04
11	041	Võ Tuấn Giang	11/11/1988	Quảng Ngãi	7,50	8,00	8,50	Đậu	K04
12	042	Ksor H' Hoa	10/05/1988	Gia Lai	7,50	7,50	8,75	Đậu	K04
13	043	Nay H' Phen	10/10/1980	Gia Lai	6,75	5,00	6,00	Đậu	K04
14	044	Lã Thị Thu Hà	31/01/1987	Ninh Bình	8,25	6,50	8,50	Đậu	K06
15	045	Nguyễn Thị Thu Hà	10/05/1988	Quảng Bình	7,50	8,00	8,50	Đậu	K01
16	046	Nay Hách	15/02/1986	Gia Lai	7,50	7,50	8,00	Đậu	K05
17	047	Nguyễn Thị Hải	10/11/1984	Quảng Bình	7,50	8,00	8,50	Đậu	K04

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
18	048	Đinh Thị Hải	26/07/1979	Bình Định	7,50	8,00	8,75	Đậu	K05
19	049	Đoàn Ngọc Hải	09/06/1964	Quảng Nam	8,00	8,00	8,50	Đậu	K04
20	050	Dương Thanh Hải	20/03/1984	Quảng Bình	8,00	8,50	8,50	Đậu	K01
21	051	Nguyễn Thị Hải	06/08/1987	Nghệ An	8,50	8,00	8,50	Đậu	K06
22	052	Nguyễn Văn Hải	16/04/1985	Thanh Hóa	7,50	8,75	8,75	Đậu	K06
23	053	Bùi Thị Khánh Hằng	19/09/1991	Hưng Yên	8,50	8,75	8,50	Đậu	K06
24	054	Ngô Thị Hằng	01/06/1984	Thanh Hóa	8,00	8,50	8,75	Đậu	K01
25	055	Nguyễn Thị Hằng	21/06/1988	Bình Định	7,50	8,00	8,50	Đậu	K06
26	056	Nguyễn Thị Thanh Hằng	13/02/1989	Thừa Thiên Huế	8,00	8,50	9,00	Đậu	K06
27	057	Nguyễn Thị Thu Hằng	05/07/1988	Nghệ An	8,00	8,00	9,00	Đậu	K06
28	058	Phạm Thị Hằng	01/08/1987	Hải Dương	7,50	8,00	9,00	Đậu	K06
29	059	Trần Thị Bích Hạnh	29/02/1984	Nam Định	7,00	7,50	9,00	Đậu	K04
30	060	Hồ Thị Hải Hậu	18/08/1984	Bình Định	7,00	7,00	8,00	Đậu	K04

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Người nhập điểm

Trưởng Ban phách



Thân Thị Minh Tuyết



Lê Thị Thùy Dương



Lê Thị Thùy Dương

Thanh tra



Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

CÁC LỚP TCLLCT

KHÓA 01; 04; 05; 06 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT

Phòng thi: 03 (Giảng đường B3)

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	061	Ngọc Thị Hậu	08/07/1985	Thái Nguyên	7,50	8,00	8,25	Đậu	K04
2	062	Nay H'Bloanh	23/02/1977	Gia Lai	8,00	8,50	8,25	Đậu	K05
3	063	Nay H'Diép	03/07/1980	Gia Lai	8,00	8,00	8,25	Đậu	K05
4	064	Ngô Thị Bích Hiền	15/04/1983	Phú Yên	8,00	8,00	8,00	Đậu	K05
5	065	Nguyễn Thị Xuân Hiền	20/03/1989	Bình Định	7,50	8,50	7,25	Đậu	K06
6	066	Nguyễn Thị Hiền	09/04/1986	Hà Tĩnh	8,00	8,25	7,75	Đậu	K04
7	067	Lê Thị Mộng Hiêng	16/01/1989	Gia Lai	7,50	7,50	8,50	Đậu	K01
8	068	Phan Ngọc Hiếu	26/07/1981	Bình Định	8,00	8,25	8,25	Đậu	K01
9	069	Kpuih Hlol	02/10/1985	Gia Lai	7,00	6,75	6,50	Đậu	K04
10	070	Triệu Thị Hoa	07/07/1976	Quảng Nam	7,00	7,75	7,50	Đậu	K04
11	071	Nguyễn Thanh Hòa	17/11/1977	Bình Định	7,25	8,00	6,00	Đậu	K01
12	072	Nguyễn Tiến Quang Hòa	19/08/1978	Quảng Ngãi	7,25	8,00	7,25	Đậu	K06
13	073	Đình Minh Hoàng	28/08/1978	Gia Lai	7,00	7,00	8,50	Đậu	K01
14	074	Phạm Văn Hoàng	10/09/1979	Nam Định	7,50	8,00	8,25	Đậu	K05
15	075	Đào Ánh Hồng	13/03/1969	Thanh Hóa	6,75	7,25	7,25	Đậu	K06
16	076	Lê Thị Hồng	08/05/1987	Thanh Hóa	7,75	7,75	8,00	Đậu	K05
17	077	Phan Thị Ánh Hồng	23/03/1981	Bình Định	7,50	8,00	8,00	Đậu	K01
18	078	Kpă H'Pen	02/04/1985	Gia Lai	8,00	7,75	8,00	Đậu	K05

Stt	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
						Môn 01	Môn 02	Môn 03		
19	079	Rmah	H'Rin	05/10/1989	Gia Lai	7,50	7,75	7,00	Đậu	K06
20	080	Nay	H'Tem	29/04/1990	Gia Lai	8,00	8,00	8,50	Đậu	K05
21	081	Hoàng Thị Bích	Huệ	31/01/1979	Hà Nội	8,00	8,00	8,50	Đậu	K06
22	082	Vũ Thị	Huệ	23/01/1989	Hà Nam	7,50	8,00	7,50	Đậu	K06
23	083	Đào Xuân	Hùng	23/05/1985	Hà Nam	7,00	7,50	8,50	Đậu	K04
24	084	Đinh Thị	Hường	20/02/1987	Ninh Bình	7,50	7,75	8,50	Đậu	K06
25	085	Nguyễn Văn	Huy	23/01/1980	Nghệ An	8,00	8,00	8,00	Đậu	K06
26	086	Lê Thụy Thu	Huyền	08/10/1985	Bình Định	8,50	8,00	8,50	Đậu	K04
27	087	Phạm Thị	Huyền	12/10/1976	Thái Bình	7,50	8,00	8,50	Đậu	K06
28	088	R' Ô	H'Yí	25/10/1987	Gia Lai	7,00	7,50	7,25	Đậu	K05
29	089	Rơ Mah	Kem	26/05/1986	Gia Lai	7,25	7,75	7,25	Đậu	K06
30	090	Bùi Tiến	Khôi	20/11/2980	Gia Lai	7,25	7,75	7,50	Đậu	K05

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Người nhập điểm

Trưởng Ban phách





Thân Thị Minh Tuyết

Lê Thị Thùy Dương

Lê Thị Thùy Dương

Thanh tra



Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc

**HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCLLCT
KHÓA 01; 04; 05; 06 NĂM 2022**

*

**ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT
Phòng thi: 04 (Giảng đường B4)**

Stt	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
						Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	091	Ngô Thị Xuân	Khuê	19/03/1989	Ninh Thuận	8,25	8,00	8,25	Đậu	K05
2	092	Phạm Trần	Kiên	30/08/1985	Hải Dương	7,25	8,00	8,25	Đậu	K06
3	093	Nguyễn Hữu	Kiều	07/06/1980	Bình Định	7,75	8,00	8,00	Đậu	K05
4	094	Trần Thị Vân	Kiều	04/05/1990	Bình Định	8,50	7,75	8,50	Đậu	K04
5	095	Cao Thị	Lan	10/08/1989	Nghệ An	8,25	8,75	8,25	Đậu	K06
6	096	Lê Thị	Lệ	04/02/1985	Thanh Hóa	8,25	8,75	8,25	Đậu	K01
7	097	Ngô Thị Diễm	Lệ	18/07/1978	Bình Định	8,00	8,75	8,00	Đậu	K01
8	098	Nguyễn Thị	Lệ	10/02/1987	Quảng Trị	7,25	8,00	8,25	Đậu	K04
9	099	Phạm Thị Mỹ	Lệ	12/09/1985	Bình Định	8,00	8,00	8,25	Đậu	K04
10	100	Tổng Thị	Liên	26/08/1984	Thanh Hóa	7,75	8,00	8,25	Đậu	K04
11	101	Trương Thị	Liên	28/04/1985	Quảng Bình	7,75	8,00	8,25	Đậu	K06
12	102	Huỳnh Thị	Liễu	16/06/1981	Bình Định	8,75	7,50	8,25	Đậu	K04
13	103	Đoàn Đình	Linh	12/09/1990	Hung Yên	8,50	8,00	8,50	Đậu	K04
14	104	Lê Đăng	Linh	13/10/1985	Gia Lai	8,25	7,75	8,25	Đậu	K01
15	105	Nguyễn Thị Kim	Linh	24/02/1986	Quảng Nam	7,50	7,75	8,25	Đậu	K06
16	106	Văn Thị Mỹ	Linh	15/05/1978	Bình Định	7,75	7,75	8,50	Đậu	K05
17	107	Nguyễn Thị Kiều	Loan	27/12/1991	Yên Bái	8,50	8,75	8,50	Đậu	K04
18	108	Nguyễn Thị Tố	Loan	20/02/1980	Tuyên Quang	8,25	8,00	8,00	Đậu	K06

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
19	109	Trần Hồng Thanh Loan	01/01/1987	Hà Nam	7,75	7,75	8,75	Đậu	K06
20	110	Trinh Xuân Long	01/02/1979	Thanh Hóa	7,00	8,00	8,25	Đậu	K05
21	111	Doãn Thị Lương	04/08/1982	Hà Nội	7,25	8,00	8,25	Đậu	K04
22	112	Trần Thị Lương	20/12/1980	Hung Yên	7,00	8,50	8,50	Đậu	K04
23	113	Nguyễn Thị Lựu	08/05/1983	Ninh Bình	8,25	7,50	8,50	Đậu	K06
24	114	Lê Thị Thanh Mai	01/02/1989	Hà Nam	8,00	7,75	8,50	Đậu	K06
25	115	Lê Thị Minh	05/09/1979	Nghệ An	6,75	7,75	8,50	Đậu	K01
26	116	Võ Thị Mười	07/11/1980	Bình Định	7,25	8,00	6,75	Đậu	K04
27	117	Đỗ Thị My	22/03/1986	Hà Nam	7,50	7,25	8,50	Đậu	K04
28	118	Kpă Nam	29/03/1985	Gia Lai	7,75	7,25	8,50	Đậu	K05
29	119	Lê Văn Năm	05/11/1973	Quảng Nam	7,25	5,75	8,25	Đậu	K06
30	120	Nguyễn Thị Nàng	17/06/1989	Gia Lai	7,75	7,50	8,50	Đậu	K04

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Người nhập điểm

Trưởng Ban phách



Thân Thị Minh Tuyết



Lê Thị Thùy Dương



Lê Thị Thùy Dương

Thanh tra



Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCLLCT
KHÓA 01; 04; 05; 06 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT

Phòng thi: 05 (Giảng đường B5)

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	121	Đỗ Thị Kim Nga	22/06/1987	Ninh Bình	8,25	8,00	6,00	Đậu	K04
2	122	Nguyễn Thị Hồng Ngân	18/02/1984	Bình Định	8,00	8,50	7,00	Đậu	K01
3	123	Nông Thị Nghĩa	24/01/1984	Thái Nguyên	8,25	7,75	7,75	Đậu	K04
4	124	Nguyễn Đình Ngọ	22/10/1979	Nghệ An	8,50	8,50	8,00	Đậu	K06
5	125	Nguyễn Thị Ngoan	20/06/1983	Hà Nam	7,75	8,00	7,75	Đậu	K04
6	126	Trần Thị Thanh Ngoan	08/05/1988	Hung Yên	8,75	8,50	8,50	Đậu	K06
7	127	Bùi Thị Minh Nguyệt	11/10/1976	Hà Nam	8,00	8,50	8,00	Đậu	K01
8	128	Đỗ Thị Nhớ	21/03/1978	Thừa Thiên Huế	7,50	7,75	9,00	Đậu	K06
9	129	Lê Thị Nhung	25/05/1987	Quảng Nam	7,25	8,50	9,00	Đậu	K04
10	130	Lê Thị Hoài Niên	06/08/1989	Quảng Bình	8,00	8,00	9,00	Đậu	K04
11	131	Nguyễn Thị Nương	31/01/1979	Hà Nam	8,50	8,00	7,50	Đậu	K05
12	132	Phan Thành Pháp	20/05/1979	Bình Định	7,50	8,00	8,50	Đậu	K01
13	133	Huỳnh Nam Phi	29/05/1986	Quảng Nam	8,75	8,25	8,00	Đậu	K06
14	134	Đinh Thị Phơ	14/11/1988	Gia Lai	6,50	8,25	8,00	Đậu	K01
15	135	Rah Lan Phúc	01/05/1977	Gia Lai	7,75	5,00	7,00	Đậu	K04
16	136	Nguyễn Thị Phụng	09/09/1986	Bình Định	8,25	8,50	8,50	Đậu	K01
17	137	Dương Quang Phước	12/04/1982	Bình Định	8,00	8,25	7,50	Đậu	K04
18	138	Trần Hữu Phước	05/03/1984	Bình Định	7,75	7,75	8,00	Đậu	K06

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
19	139	Dương Thị Phường	17/01/1988	Bình Định	8,00	8,00	8,00	Đậu	K05
20	140	Ngô Thị Phượng	29/01/1980	Bình Định	8,50	8,00	8,50	Đậu	K01
21	141	Nguyễn Thị Hồng Phượng	18/04/1981	Bình Định	8,25	7,50	8,50	Đậu	K01
22	142	Phạm Thị Minh Phượng	17/11/1988	Nam Định	7,00	8,25	8,50	Đậu	K04
23	143	Nguyễn Vi Quang	12/12/1982	Bình Định	7,50	8,25	8,50	Đậu	K05
24	144	Hoàng Thị Quy	28/12/1987	Nghệ An	8,25	8,50	8,50	Đậu	K04
25	145	Đình Văn Quý	16/06/1983	Ninh Bình	7,50	7,75	8,00	Đậu	K04
26	146	Hồ Thị Quý	01/01/1985	Bình Định	7,75	8,25	8,00	Đậu	K01
27	147	Trần Thị Lệ Uyên	02/01/1982	Gia Lai	7,25	8,00	9,00	Đậu	K01
28	148	Siu Quynh	23/02/1981	Gia Lai	7,50	8,00	7,50	Đậu	K05
29	149	Nay Ri Ma	01/05/1989	Gia Lai	7,50	7,50	8,00	Đậu	K05
30	150	Ngô Thị Rứa	10/11/1987	Quảng Bình	7,75	7,75	7,50	Đậu	K01

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Người nhập điểm

Trưởng Ban phách

Thân Thị Minh Tuyết

Lê Thị Thùy Dương

Lê Thị Thùy Dương

Thanh tra

Chủ tịch Hội đồng thi

Rơ Ô Trúc

Ngô Khắc Ngọc

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCLLCT
KHÓA 01; 04; 05; 06 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT
Phòng thi: 06 (Giảng đường A1)

Stt	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
						Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	151	Đặng Quang	Sang	01/04/1980	Bình Định	7,00	7,50	8,50	Đậu	K05
2	152	Nguyễn Thị Minh	Sang	28/05/1990	Thừa Thiên Huế	8,50	8,50	8,50	Đậu	K04
3	153	Nguyễn Thị	Sen	14/10/1986	Thanh Hóa	8,25	8,00	8,50	Đậu	K06
4	154	Đỗ Minh	Sơn	10/02/1975	Quảng Trị	7,25	6,75	7,50	Đậu	K01
5	155	Nguyễn Văn	Sơn	12/04/1981	Thừa Thiên Huế	7,75	7,75	8,25	Đậu	K06
6	156	Lê Thị	Sự	17/05/1990	Thanh Hóa	8,00	8,50	8,50	Đậu	K04
7	157	Đặng Đức	Tài	13/05/1989	Bình Định	7,50	8,00	6,50	Đậu	K06
8	158	Trần Thị	Tám	20/07/1979	Bình Định	7,25	8,00	7,25	Đậu	K05
9	159	Lê Thị	Tâm	06/03/1989	Bình Định	7,50	8,25	7,25	Đậu	K05
10	160	Ksor	Terry	28/10/1986	Gia Lai	8,00	6,75	8,25	Đậu	K05
11	161	Hồ Sỹ	Thạch	20/11/1982	Thanh Hóa	7,00	8,00	7,75	Đậu	K06
12	162	Đặng Hùng	Thắng	18/08/1975	Thái Bình	7,50	8,50	8,25	Đậu	K06
13	163	Nguyễn Quyết	Thắng	08/05/1985	Hà Nội	8,25	8,50	7,25	Đậu	K06
14	164	Ngô Thị Kim	Thanh	28/09/1974	Nghệ An	8,50	7,75	7,50	Đậu	K06
15	165	Trần Ngọc	Thanh	17/01/1984	Nam Định	7,75	8,75	8,50	Đậu	K04
16	166	Lâm Thị Thu	Thảo	13/02/1986	Nam Định	7,00	8,50	7,75	Đậu	K06
17	167	Lê Thị Thu	Thảo	21/02/1981	Thừa Thiên Huế	8,00	8,50	7,00	Đậu	K06
18	168	Nguyễn Thị	Thảo	21/11/1987	Lạng Sơn	7,75	7,50	8,75	Đậu	K05

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
19	169	Nguyễn Thị Thảo	13/02/1983	Quảng Nam	8,50	8,25	8,00	Đậu	K06
20	170	Siu Thế	23/08/1985	Gia Lai	6,75	5,00	5,75	Đậu	K04
21	171	Phan Thị Hồng Thiện	12/05/1988	Bình Định	8,00	8,00	7,25	Đậu	K05
22	172	Đỗ Bá Thiệp	20/10/1980	Hải Dương	8,50	8,00	8,00	Đậu	K06
23	173	Lê Thị Thoa	20/09/1983	Hà Tĩnh	8,25	8,50	8,25	Đậu	K06
24	174	Lê Đình Thơm	19/10/1976	Thanh Hóa	8,00	6,50	8,00	Đậu	K06
25	175	Lê Thị Thơm	12/08/1990	Hà Nam	7,25	8,00	8,50	Đậu	K04
26	176	Lê Thị Thu	01/10/1980	Thanh Hóa	7,75	8,50	8,75	Đậu	K06
27	177	Nguyễn Thị Hoài Thương	25/04/1991	Hà Tĩnh	8,75	7,75	8,00	Đậu	K04
28	178	Đặng Thị Thanh Thúy	03/09/1988	Bình Định	8,75	7,75	8,50	Đậu	K04
29	179	Hà Thị Cẩm Thúy	23/11/1990	Thái Bình	7,25	7,50	8,25	Đậu	K06
30	180	Phạm Thị Thúy	03/09/1986	Hà Nam	7,00	5,00	8,50	Đậu	K05

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Người nhập điểm

Trưởng Ban phách





Thân Thị Minh Tuyết

Lê Thị Thùy Dương

Lê Thị Thùy Dương

Thanh tra



Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc

**HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCELLCT
KHÓA 01; 04; 05; 06 NĂM 2022**

*

**ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCELLCT
Phòng thi: 07 (Giảng đường A2)**

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	181	Vũ Thị Thúy	13/12/1981	Hưng Yên	7,00	7,00	8,00	Đậu	K04
2	182	Nguyễn Thị Thu Thủy	07/08/1980	Bình Định	8,50	7,25	8,50	Đậu	K05
3	183	Đinh Thị Lệ Thy	26/02/1988	Bình Định	8,00	7,75	8,00	Đậu	K01
4	184	Phan Văn Tín	22/06/1987	Quảng Trị	8,25	6,50	8,50	Đậu	K04
5	185	Trần Đình Toàn	04/06/1969	Nghệ An	7,50	6,75	7,25	Đậu	K06
6	186	Trần Ánh Tôn	29/08/1978	Quảng Ngãi	8,00	8,75	8,50	Đậu	K05
7	187	Hoàng Thị Kim Trâm	12/10/1988	Quảng Bình	8,25	8,75	8,50	Đậu	K05
8	188	Đỗ Huyền Trang	20/10/1990	Hà Nam	8,00	8,75	8,75	Đậu	K04
9	189	Nguyễn Thị Phương Trang	13/12/1987	Nghệ An	8,25	8,25	8,00	Đậu	K05
10	190	Phạm Thị Thùy Trang	26/06/1981	Bình Định	7,75	8,00	8,50	Đậu	K01
11	191	Tăng Thị Kiều Trang	02/04/1985	Bình Định	8,00	8,00	8,50	Đậu	K06
12	192	Trần Thị Trang	10/11/1980	Hà Tĩnh	7,50	7,75	8,25	Đậu	K05
13	193	Trần Thị Trang	20/10/1991	Hà Tĩnh	7,00	7,00	8,00	Đậu	K06
14	194	Trần Thị Huyền Trang	04/09/1991	Hà Nam	7,50	8,75	9,00	Đậu	K05
15	195	Trần Thị Thảo Trang	08/11/1988	Bình Định	8,50	8,75	8,75	Đậu	K04
16	196	Trần Thị Cẩm Tú	10/04/1988	Vĩnh Long	8,00	8,50	8,00	Đậu	K04
17	197	Trương Ngọc Tuấn	25/08/1980	Hà Nam	8,00	7,75	8,25	Đậu	K04

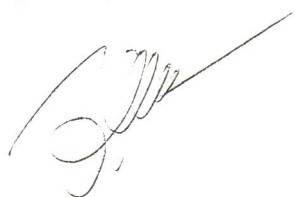
Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
18	198	Trần Thị Cẩm Tuyền	15/11/1986	Quảng Ngãi	7,75	7,75	7,50	Đậu	K06
19	199	Nguyễn Thị Tuyết	03/05/1990	Nghệ An	8,50	8,00	9,00	Đậu	K06
20	200	Ksor Tuýt	28/11/1967	Gia Lai	7,75	7,50	7,25	Đậu	K05
21	201	Trần Trọng Quỳnh Uyên	19/11/1988	Bình Định	7,50	8,00	8,00	Đậu	K01
22	202	Lê Thị Hồng Vân	28/12/1985	Bình Định	8,50	7,50	8,00	Đậu	K06
23	203	Bùi Thị Vân	08/04/1976	Hưng Yên	8,00	8,00	8,00	Đậu	K05
24	204	Ngô Văn Vững	20/10/1984	Thanh Hóa	7,75	8,25	8,00	Đậu	K04
25	205	Đỗ Thị Tường Vy	08/12/1988	Bình Định	7,75	7,50	8,00	Đậu	K04
26	206	Nguyễn Đức Vỹ	30/10/1978	Quảng Ngãi	7,75	7,50	8,00	Đậu	K06
27	207	Rmah Yur	02/01/1984	Gia Lai	7,50	6,50	8,00	Đậu	K05

Tổng số: 37 thí sinh

Người đọc điểm

Người nhập điểm

Trưởng Ban phách





Thân Thị Minh Tuyết

Lê Thị Thùy Dương

Lê Thị Thùy Dương

Thanh tra



Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc